TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **167**/ 2017/HNGĐ-ST
Ngày 27 tháng 7 năm 2017
"V/v xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thắm**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Chiến**
Ông **Võ Thanh Liêm**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Huyền Trân** – Là thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau.

Trong ngày 27 tháng 7 năm 2017, Tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Cà Mau. Xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 418/ 2017/ HNGĐ-ST ngày 01 tháng 6 năm 2017 về việc yêu cầu xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 468/2017/ QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sư:

1/ Nguyên đơn Chị **Trần Thị Thu A** – sinh năm 1983 (có mặt)
Trú tại: Số nhà A, Đường B, Khóm C, Phường D, tp C, tỉnh Cà Mau.
2/ Bị đơn Anh **Bùi Thanh H** - sinh năm 1979 (vắng mặt)
Trú tại: Số nhà A, Đường B, Khóm C, Phường D, tp C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Chị Trần Thị Thu A trình bày tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa như sau***:

Chị và anh Bùi Thanh H sống chung vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện D, tỉnh E. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm vợ chồng không còn thương yêu nhau, anh H đánh đập chị gia đình đã nhiều lần hàn gắn nhưng không thành, nay chị xét thấy không còn tình cảm với anh Bùi Thanh H nên chị A yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung cháu tên Bùi Định A – sinh ngày 15/4/2005; Bùi Sĩ K – sinh ngày 23/12/2006, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi cháu Bùi Sĩ K, giao cháu Bùi Định A cho anh H nuôi, không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị A xác định không nợ ai và không ai nợ lại anh, chị.

**** Anh Bùi Thanh H trình bày tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa như sau***:

Về thời gian chung sống, thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn đúng như chị A trình bày, về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng không đúng như chị A trình bày, theo anh trong cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ do vợ chồng có bất đồng quan điểm khoảng mấy tháng trước nhưng không trầm trọng đến mức phải ly hôn, nay chị A xin ly hôn anh không đồng ý vì anh còn thương vợ, con nên không muốn ly hôn.

Về con chung: Có hai con chung tên Bùi Định A – sinh ngày 15/4/2005; Bùi Sĩ K – sinh ngày 23/12/2006, Nếu tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi cháu Bùi Định A, giao cháu Bùi Sĩ K cho chị A nuôi, không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh H xác định không nợ ai và không ai nợ lại anh, chị.

Quá trình triệu tập anh Bùi Thanh H nhưng anh H vắng mặt không rõ lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng: Bị đơn vắng mặt căn cứ Điều 227,228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sư.

Về nội dung các đương sự tranh chấp được xác định là ly hôn.

[1]***Về hôn nhân***: Chị A và anh Bùi Thanh H có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên mối quan hệ hôn nhân của chị và anh H được pháp luật công nhận và bảo vệ. Lời trình bày của chị A tại phiên tòa do vợ chồng sống không hợp nhau có nhiều mâu thuẫn nên cả hai không ai quan tâm đến ai cuộc sống riêng mỗi người tự định đoạt, hiện chị cũng không còn tình cảm với anh H. Nếu Toà án không chấp nhận yêu cầu của chị, thì chị cũng không về chung sống với anh H nữa. Tại phiên tòa anh H không đến tham gia phiên tòa điều này chứng tỏa anh H không muốn hàn gắn vợ chồng. Xét thấy tình cảm vợ chồng đã không còn thì không cùng nhau xây dựng một mái nhà chung. Hiện chị A và anh Bùi Thanh H đã không ai quan tâm ai, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, có cơ sở chấp nhận lời trình bày và yêu cầu của chị A về việc xin ly hôn với anh Bùi Thanh H.

[2]Về con chung: Anh, chị có hai con chung cháu tên Bùi Định A – sinh ngày 15/4/2005; Bùi Sĩ K – sinh ngày 23/12/2006, chị A yêu cầu nuôi cháu Bùi Sĩ K, anh H yêu cầu nuôi cháu Bùi Định A, không cấp dưỡng nuôi con. Tại biên bản ghi ý kiến cháu A muốn sống với cha là anh H nên giao cháu cho anh H nuôi dạy, cháu K muốn sống với mẹ là chị H, giao cháu cho chị H nuôi dạy. Không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng.

[3]***Về tài sản chung***: Anh, Chị xác định tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

[4]Về nợ chung, nợ riêng: Anh, Chị xác định không nợ ai và cũng không ai nợ lại.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 227,228, 241 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của Chị Trần Thị Thu A về việc xin ly hôn với anh Bùi Thanh H.

Về con chung: Giao cháu tên Bùi Sĩ K – sinh ngày 23/12/2006, cho chị A nuôi dạy.

Giao cháu Bùi Định A – sinh ngày 15/4/2005 cho anh H nuôi dạy.

Anh H, chị A không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc, nuôi dạy con chung không ai có quyền ngăn cản.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Về nợ chung và người khác nợ lại: Không có .

2. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình: Chị A phải nộp số tiền 300.000đ ngày 01/6/2017, chị A đã dự nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai số 0003204 được giữ y, sung vào công quỹ Nhà nước.

Chị A có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng anh H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN

Đã Ký

Nguyễn Thị Thắm

Nơi nhận:
- *TAND Tỉnh Cà Mau;*
- *VKSND Tp. Cà Mau;*
- *UBND xã C, huyện D, tỉnh E;*
- *Đương sự;*
- *Lưu Hồ sơ,*
- *Lưu Toà án Tp Cà Mau*

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thanh Liêm **Nguyễn Văn Chiến** **Nguyễn Thị Thắm**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Kha **Nguyễn Thị Ngọc Điệp** **Nguyễn Thị Thắm**

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thắm

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- UBND phường 7, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau;
- Đương sự;
- Lưu Hồ sơ,
- Lưu Toà án Tp Cà Mau

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xinh **Nguyễn Hồng Nghị** **Nguyễn Thị Thắm**

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xinh **Nguyễn Hồng Nghị** **Nguyễn Thị Thắm**

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xinh **Trần Thị Cúc** **Nguyễn Thị Thắm**

Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Duy** - Sinh năm: 1983
Địa chỉ: Số 175/63, Phan Ngọc Hiển, khóm 6, phường 5, thành phố Cà Mau.
Bị đơn: Anh **Trần Thanh Tuấn** – Sinh năm 1983
Địa chỉ: Số 188, Phạm Hồng Thám, khóm 2, phường 4, thành phố Cà Mau.

3/ Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Anh chị thống nhất thuận tình ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng thỏa thuận giao cháu Trần Lê Hoài Thư sinh ngày 20/4/2011 hiện đang sống cùng chị. Cho chị Duy nuôi, anh Tuấn cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận và yêu cầu tòa án ghi nhận trong quyết định: Gồm 01 căn nhà, tọa tạc đường Vành đai 2, phường 9, thành phố Cà Mau, giao cho anh Tuấn quản lý, sử dụng. Anh Tuấn có nghĩa vụ giao cho chị Duy số tiền 100.000.000 đồng *(một trăm triệu đồng)*. 01 chiếc xe Future Fi mang biển số kiểm soát 69C1-238.16 chị Duy đứng tên sở hữu, hiện nay chị Duy quản lý, sử dụng tiếp tục giao cho chị Duy quản lý, sử dụng. Giao cho anh Tuấn quản lý xe NOZZA mang biển số 69CI – 351.99, xe này chị Duy đứng tên, nên chị Duy có nghĩa vụ làm thủ tục chuyển quyền sở hữu cho anh Tuấn để anh Tuấn đứng tên.

Về nợ chung: Chị, anh xác định không nợ ai và cũng không ai nợ lại anh chị.

Về thời gian và phương thức thanh toán: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày 03/02/2015 anh Tuấn có nghĩa vụ giao số tiền trên cho chị Duy.

Kể từ ngày chị Duy có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Tuấn chậm thi hành thì hàng tháng phải trả thêm phần lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tại thời điểm chậm thi hành án.

Aùn phí dân sự có giá ngạch chị Duy, anh Tuấn không nộp; án phí hôn nhân gia đình anh Tuấn và chị Duy mỗi người nộp 50.000 đồng, chị Duy nhận nộp thay cho anh Tuấn vào ngày 05/01/2015 chị Duy đã dự nộp số tiền 5.243.000 đồng tại lai thu số 0000531, đối trừ chị Duy được nhận lại số tiền 5.143.000 đồng. Anh Tuấn nộp án phí cấp dưỡng là 100.000 đồng *(chưa nộp).*

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Sỹ Hùng **Lý Văn Sua** **Nguyễn Thị Thắm**

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Thắm**
Các Hội thẩm : - Bà **Trần Thị Cúc**
- Ông **Nguyễn Văn Chiến**.

Căn cứ vào Điều 236 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Vào ngày 08 tháng 5 năm 2013, tại phòng nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án Hôn nhân và Gia đình giữa:

* Nguyên đơn: Bà **Phạm Thu Hằng**.

* Bị đơn: Ông **Phạm Vũ Phong**.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà **Trần Thị Kim Châu**

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của những người tham gia tố tụng. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau:

Áp dụng vào các điều 89, 91, 92, 94 luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ Điều 199 Bộ luật tố tụng dân sự;

1/ **Về hôn nhân**: Chấp nhận cho bà Phạm Thu Hằng được ly hôn với ông Phạm Vũ Phong.

2/ **Về con chung**: Giao cháu Phạm Thu Quyên – sinh ngày 27/4/2001 cho bà Hằng trực tiếp dạy dỗ, chăm sóc, nuôi dưỡng, Giao cháu Phạm Quỳnh Anh – sinh ngày 28/01/2009 cho ông Phong nuôi dưỡng, chăm sóc cháu, Bà Hằng, ông Phong không yêu cầu cấp dưỡng.

Bà Hằng, ông Phong có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dạy hai cháu không ai có quyền ngăn cản.

3/ **Về tài sản chung**: Vợ chồng không có nên không xem xét

4/ **Về nợ chung**: Người liên quan đã từ chối quyền yêu cầu việc trả nợ cho mình, khi phát sinh tranh chấp bà Châu có quyền kiện vụ án dân sự khác.

5/ Án phí HNGĐ sơ thẩm 200.000đ bà Hằng phải chịu, ngày 25/2/2013 bà Phạm Thu Hằng đã dự nộp 200.000đ theo lai số 004305 được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự